

# PHỤ THUỘC LẤN NHAU VỀ KINH TẾ TRONG QUAN HỆ MỸ - TRUNG TRONG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

---

NCS. TRẦN THỊ THU HÀ  
*Học viện Ngoại giao*

---

**Q**uan hệ Trung – Mỹ là mối quan hệ song phương giữa hai quốc gia quan trọng bậc nhất trong hệ thống chính trị quốc tế hiện nay.

Sau hơn 4 thập kỷ đổi mới mở cửa, kinh tế Trung Quốc tăng trưởng liên tục ở tốc độ cao, đưa Trung Quốc trở thành cường quốc kinh tế lớn thứ hai trên thế giới chỉ sau Mỹ nếu tính theo tổng giá trị sản phẩm quốc gia. Trong khi sức mạnh Mỹ đang suy giảm tương đối, sự trỗi dậy mạnh mẽ không ngừng của Trung Quốc khiến các mối quan hệ cân bằng trong khu vực Đông Á – Thái Bình Dương cũng như trên quy mô toàn cầu bị ảnh hưởng mạnh mẽ và có nhiều biến đổi. Va chạm lợi ích Mỹ - Trung xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới, từ tất cả các yếu tố an ninh, kinh tế, và chính trị xã hội. Bốn thách thức lớn cho quan hệ Mỹ - Trung trong giai đoạn vừa qua và những năm tiếp theo xét lần lượt theo các tiêu chí an ninh, kinh tế, và chính trị - xã hội là: (1) cạnh tranh chiến lược ở Đông Á; (2) vấn đề Đài Loan, vốn được Trung Quốc coi là lợi ích cốt lõi; (3) thâm hụt thương mại nghiêm trọng của Mỹ so với Trung Quốc

và tỉ giá đồng Nhân dân tệ bất hợp lý; và (4) các vấn đề nhân quyền. Bên cạnh đó, tranh chấp Mỹ - Trung ở các diễn đàn đa phương cũng diễn ra gay gắt.

Trong bối cảnh đó, quan hệ Trung – Mỹ những năm qua diễn ra theo mô hình tương đối ổn định: quan hệ lúc thăng, lúc trầm song luôn được duy trì đảm bảo kênh hợp tác là nổi bật. Sự tùy thuộc lẫn nhau về kinh tế ở mức cao khiến những va chạm về lợi ích, đặc biệt lợi ích kinh tế của Trung Quốc và Mỹ xảy ra thường xuyên, dưới nhiều hình thức khác nhau. Tuy nhiên, chính sự tùy thuộc này khiến Mỹ và Trung Quốc luôn phải tính toán đảm bảo duy trì mối quan hệ bền vững. Tình trạng xung đột nhỏ – hợp tác lớn này là một yếu tố quan trọng xác lập quan hệ Trung – Mỹ không chỉ riêng trên lĩnh vực kinh tế mà còn trên lĩnh vực chính trị, an ninh. Tác động của yếu tố kinh tế lên an ninh, chính trị là rõ ràng. Điều đó trước tiên vì sức mạnh quân sự và ảnh hưởng chính trị của mỗi quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào sức mạnh kinh tế. Nhìn trong lịch sử quan hệ quốc tế có thể thấy quốc gia nào có sức mạnh kinh tế tốt thì đồng thời họ tăng

cường sức mạnh quân sự và thực hiện chính sách ngoại giao bành trướng với những phương tiện khác nhau hoặc “cái gậy”, hoặc “củ cà rốt” hoặc cả hai. Sự hưng thịnh và suy vong của mỗi quốc gia đều có nguyên nhân kinh tế và có sự ảnh hưởng trực tiếp tới sự thay đổi trật tự thế giới.

Để chứng minh vai trò của sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế trong việc duy trì mối quan hệ hợp tác - cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc, nghiên cứu chia làm ba phần chính. Phần thứ nhất phân tích khái niệm “phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế” dưới góc độ lý luận nhằm tìm hiểu những tác động có thể của tình trạng tùy thuộc lẫn nhau đến việc hoạch định chính sách của các nước liên quan. Phần thứ hai đề cập những xung đột lợi ích giữa Mỹ và Trung Quốc, đặc biệt nhấn mạnh đến khía cạnh kinh tế. Phần thứ ba sẽ phân tích vai trò của sự tùy thuộc lẫn nhau trong việc giải quyết những bất đồng trong quan hệ Mỹ - Trung, đảm bảo hai cường quốc duy trì mối quan hệ hợp tác trong cạnh tranh.

### **1. Phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế: khái niệm và lý luận**

Ngược trở lại dòng tư tưởng của nhân loại, có thể thấy Mác là người đầu tiên đề cập đến tầm quan trọng của kinh tế, khoa học - kỹ thuật đối với sự phát triển của thế giới nói chung và quan hệ quốc tế nói riêng. Có thể tìm thấy logic này trong nhiều tác phẩm của Mác, đặc biệt trong Hệ tư tưởng Đức và Tuyên ngôn của Đảng Cộng Sản và Tư Bản. Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, để khôi phục và phát triển nước Nga Xô Viết, Lênin đã đề ra chính sách kinh tế mới với tiền đề đầu tiên là thừa nhận vai trò chi phối khách quan

của hệ thống kinh tế tư bản thế giới, ông viết: “Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế”<sup>(1)</sup>. Không có sự hợp tác, liên doanh, liên kết với các nhà tư bản nước ngoài thì sẽ không có vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý và hệ quả tất yếu là sẽ không thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Còn sau khi nhậm chức Tổng thống Mỹ năm 1932, Roosevelt tập hợp một số nhà kinh tế nổi tiếng để soạn thảo ra chính sách kinh tế mới, được gọi là “New Deal” nhằm đối phó với khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933. Tháng 7-1944 đã diễn ra Hội nghị Bretton Woods được tổ chức tại New Hampshire bàn về vấn đề tài chính quốc tế và quyết định thành lập IMF và WB. Những nhà tư tưởng lớn đều thấy được vai trò quyết định của kinh tế đối với chính trị và trong quá trình hoạch định chính sách đối ngoại luôn thấy được tầm quan trọng của nó cho sự phát triển của quốc gia mình.

Các mối quan hệ kinh tế giữa hai quốc gia bao gồm nhiều hoạt động phức tạp đan xen như đầu tư trực tiếp, thương mại, lao động, chu chuyển dòng tiền tệ giữa các hệ thống ngân hàng, du lịch v.v... Ngoài ra, những sợi dây kết nối phi nhà nước thông qua các tập đoàn quốc tế và doanh nghiệp cũng là yếu tố quan trọng góp phần gắn kết hai nước. Bên cạnh đó, các quốc gia còn hoạt động cùng nhau trong các tổ chức quốc tế đa phương hoặc hợp tác tại một nước thứ ba.

Trong bối cảnh thương mại quốc tế ngày càng gia tăng, khái niệm “tùy thuộc lẫn nhau về kinh tế” đã ngày càng trở nên phổ biến trong nghiên cứu kinh tế và quan hệ quốc tế. Nhiều học giả đã tìm cách định nghĩa một cách chính xác khái niệm này từ rất sớm. Năm 1945, Hirschman định

nghĩa tùy thuộc lẫn nhau về kinh tế là việc quốc gia thiếu các hình thức thay thế trên thị trường trên khía cạnh quan hệ kinh tế<sup>(2)</sup>. Keohane và Nyer thì cho rằng khi các mối quan hệ có tác động tương tác tới cả hai bên thì đó chính là tùy thuộc lẫn nhau<sup>(3)</sup>. Nói một cách đơn giản, khi chính sách của một quốc gia này có tác động đến quốc gia kia và ngược lại thì khi đó hai nước được coi là tùy thuộc lẫn nhau. Mức độ tác động càng cao thì sự tùy thuộc càng lớn. Trong quan hệ tùy thuộc lẫn nhau, Keohane và Nyer cho rằng trong quan hệ tùy thuộc lẫn nhau các nước, yếu tố nhạy cảm và tính tổn thương cần được nghiên cứu. Nhạy cảm là mức độ một quốc gia chịu thiệt hại khi có những thay đổi bất ngờ trong quan hệ tùy thuộc lẫn nhau với quốc gia khác. Tính tổn thương là khả năng quốc gia có thể vượt qua những thiệt hại do những thay đổi chính sách của quốc gia đối tác đem lại. Chính hai yếu tố này góp phần xác định khuôn khổ lý luận cho khái niệm tùy thuộc lẫn nhau.

Hai nhóm lý luận nổi tiếng nhất về vai trò của tùy thuộc lẫn nhau về kinh tế trong quan hệ giữa hai nước là chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tự do:

*Chủ nghĩa tự do* cho rằng: tùy thuộc kinh tế giữa các nước làm giảm khả năng xung đột do các nước có nhiều lợi ích hơn trong việc duy trì hòa bình, ổn định và hợp tác với nhau. Vì thế, mục tiêu của các nước là thúc đẩy ổn định và phát triển kinh tế thông qua tăng cường hơn nữa trao đổi kinh tế. Việc phá vỡ mối quan hệ này gây ra thiệt hại lớn cho cả hai bên, do vậy các nước sẽ không đối đầu với nhau. Nói cách khác, khi tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày càng tăng trên lĩnh vực thương mại,

đầu tư, và các mối quan hệ kinh tế khác, các nước sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi những xung đột quốc tế. Do đó, họ thường tìm biện pháp hòa bình để giải quyết tranh chấp, tránh đối đầu;

*Lý luận hiện thực* tỏ ra bi quan hơn trong việc đánh giá tình trạng tùy thuộc lẫn nhau giữa hai quốc gia. Những người theo lý luận này cho rằng tùy thuộc lẫn nhau về thực chất là phụ thuộc hai chiều. Nghĩa là nước này phụ thuộc vào nước kia và ngược lại. Mỗi quốc gia thường làm mọi cách để ngăn ngừa việc mình bị phụ thuộc vào nước khác và dễ bị tổn thương. Hơn nữa, trong quan hệ hai chiều, lợi ích thu được giữa các nước là không đều nhau. Điều đó khiến cán cân thực lực giữa hai bên thay đổi, tạo ra những thay đổi trong hệ thống quốc tế, dẫn tới xung đột. Xung đột giữa hai quốc gia tùy thuộc lẫn nhau vì thế xuất phát từ cảm giác về khả năng bị tổn thương khi phụ thuộc vào nước khác, và những bất bình đẳng về lợi ích thu được từ mối quan hệ tùy thuộc lẫn nhau.

## **2. Sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế trong quan hệ Mỹ - Trung**

Đối với Mỹ, chiến lược kinh tế đối với Trung Quốc là một bộ phận hợp thành trong chiến lược kinh tế đối ngoại. Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, cũng với sự phát triển vượt bậc về kinh tế của Trung Quốc, Mỹ đã nhận định rằng nước này là thách thức tiềm tàng và hiện thực đối với Mỹ. Thực tiễn này đã tạo ra nhiều quan điểm về Trung Quốc ở Mỹ nhưng các quan điểm này lại có một điểm chung cho rằng Mỹ cần phải kiềm chế Trung Quốc. Các biện pháp và chính sách cụ thể nhằm kiềm chế Trung Quốc lại tùy thuộc vào sự nhận

thức và cách tiếp cận vấn đề ở từng thời điểm.

Mỹ cho rằng Trung Quốc là nước lớn và có nền kinh tế phát triển năng động ở châu Á- Thái Bình Dương. Với tốc độ tăng trưởng vượt bậc gấp khoảng 5 lần từ 1.198 tỷ USD (năm 2000) lên 5.878 tỷ USD (năm 2010)<sup>(4)</sup> đã và đang là một thực tế hiển nhiên ở quốc gia đông dân nhất thế giới này. Đây là một thị trường lớn, khả năng trao đổi hàng hóa song phương sẽ được đẩy mạnh bởi chính sách “mở cửa” của người Bắc Kinh. Song sự tăng trưởng kinh tế quá nhanh trong khi khả năng điều tiết kém hiệu quả của Chính phủ Trung Quốc đối với sự phát triển kinh tế xã hội nội bộ đang là mối đe dọa đối với sự ổn định nền kinh tế của Trung Quốc. Bên cạnh đó, hiện nay Trung Quốc tăng chi phí quốc phòng, hiện đại hóa lực lượng hải quân,...cũng là những nguy cơ không nhỏ đối với sự phát triển kinh tế trong vùng. Những điều đó đe dọa trực tiếp tới lợi ích của Mỹ và khu vực. Bởi vậy, để kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc, không có cách nào khác hiệu quả hơn ngoài việc Mỹ phải “dính líu”, “can dự” với một Trung Quốc đang trỗi dậy mạnh mẽ, đầy tham vọng trong tất cả các vấn đề từ kinh tế, chính trị, an ninh đến quân sự ở phạm vi song phương và đa phương.

Đầu thập kỷ 1990, Mỹ đã áp dụng chính sách “bao vây” đã từng áp dụng với Liên Xô cũ trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Nhưng việc Trung Quốc áp dụng chính sách tăng cường hợp tác và mở cửa đối với các nước phương Tây đã làm Mỹ phải điều chỉnh chính sách thành “can dự”, chuyển từ ảnh hưởng về quân sự sang ảnh hưởng kinh tế. Mỹ nhấn mạnh khía cạnh tự do hóa kinh tế và dân chủ hóa chính trị ở

Trung Quốc, và cho rằng hai nước có thể có những hợp tác và chung sống hoà bình. Tuy nhiên, chính sách này thực tế đã thất bại vì Mỹ cho rằng Trung Quốc không đáp ứng các yêu cầu về dân chủ, nhân quyền nên lại đổi tên chiến lược, coi Trung Quốc là “đối thủ cạnh tranh chiến lược”.

Lợi ích kinh tế sẽ làm Mỹ phải hạn chế bớt những biện pháp chính trị và quân sự. Với mục tiêu lâu dài là Mỹ vừa không muốn Trung Quốc vươn tầm ảnh hưởng của mình ra thế giới và khu vực, vừa muốn Trung Quốc mở cửa, tạo cơ hội làm ăn cho người Mỹ, Chính phủ Mỹ phải đưa ra các chính sách thực thi mới nhằm kết hợp chính sách “bao vây” và chính sách “can dự” mang tính trung lập, cân bằng hơn, được hiểu là “can dự có tính bao vây” hoặc “kiềm chế là chủ yếu, can dự là công cụ”.

Tính chất phức tạp của mối quan hệ giữa các vấn đề nêu trên đã không cho phép phân biệt rành mạch, rõ ràng khi nào thì vấn đề kinh tế là nhân tố dẫn dắt, định hình mối quan hệ chính trị song phương, thời điểm nào thì các yếu tố chính trị giữ vai trò chi phối trong quan hệ Mỹ - Trung (cũng như các cặp quan hệ song phương khác), mặc dù trên thực tế lợi ích kinh tế vẫn là mục tiêu cao nhất của tất cả các quốc gia.

Đối với Trung Quốc, quan hệ hợp tác để phát triển là cơ sở của ngoại giao kinh tế. Để thực hiện được mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội khá giả (tiểu khang) trong 20 năm đầu thế kỷ XXI như Đại hội lần thứ XVI của Đảng Cộng Sản Trung Quốc đề ra với 16 chữ (chữ Trung Quốc): “Kinh tế xúc tiến chính trị, chính trị dẫn đường và mở đường kinh tế, chính trị hướng dẫn và mở

đường kinh tế, chính trị và kinh tế mở đường hợp tác phát triển”. Trung Quốc cần ổn định và phát triển quan hệ hợp tác kinh tế với nước ngoài, đặc biệt là các nước phương Tây và chủ yếu là Mỹ với kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao, kinh nghiệm quản lý, tiền vốn và thị trường lớn, ... mà Trung Quốc cần chủ yếu phải dựa vào Mỹ. Bên cạnh đó, thị trường Mỹ không chỉ dung lượng lớn mà nhu cầu về hàng hóa nhập khẩu cũng đa dạng, kể từ những sản phẩm bình thường tới các sản phẩm công nghệ cao. Hiện nay, Mỹ là một trong những thị trường nhập khẩu lớn nhất của Trung Quốc.

Sự phát triển cao, ổn định trong hơn 3 thập kỷ cải cách kinh tế và mở cửa đã đưa Trung quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ ba trên thế giới - cơ sở của trỗi dậy hòa bình, đồng thời nâng cao vị thế, vai trò của Bắc Kinh trong quá trình giải quyết các vấn đề quốc tế. “Trỗi dậy hoà bình” của

Trung Quốc thực chất là quá trình vươn lên vị trí siêu cường, sẽ không thành hiện thực nếu họ thất bại trong việc duy trì tốc độ phát triển kinh tế ở mức 9-10% năm và không tiếp cận được các công nghệ nguồn, hiện đại. Trong 3 trung tâm kinh tế: Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản chỉ có Mỹ là thị trường đáp ứng được cả hai nhu cầu cần thiết nói trên.

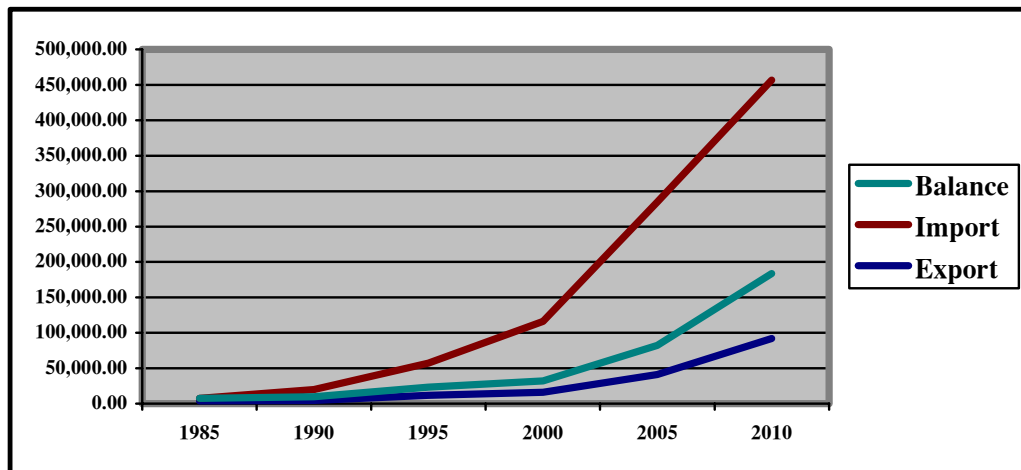
Tùy thuộc lẫn nhau giữa Trung Quốc và Mỹ thể hiện ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó nổi bật nhất là lĩnh vực thương mại song phương và mức đầu tư lớn của Trung Quốc vào thị trường tài chính Mỹ:

#### ▪ **Quan hệ thương mại:**

Hiện nay, Mỹ là một trong những thị trường xuất khẩu và xuất siêu lớn nhất của Trung Quốc liên tục trong suốt hơn ba thập kỷ từ khi thực hiện cải cách mở cửa

**Biểu 1: THƯƠNG MẠI CỦA MỸ – TRUNG QUỐC (1985-2010)**

(Đơn vị triệu USD)



Nguồn: US. Census Bureau, Bộ Thương mại Mỹ

Nếu năm 1985 giá trị xuất khẩu của Trung Quốc sang thị trường Mỹ mới chỉ đạt 3,85 tỷ USD thì 10 năm sau con số trên là 11,75 tỷ USD, 10 năm kế tiếp 41,19 tỷ USD - tăng trung bình khoảng 4 lần/10 năm. Đáng chú ý là con số này vẫn liên tục tăng nhanh chóng: 53,67 tỷ USD (năm 2006), đạt 62,93 tỷ USD (năm 2007), tăng lên 69,73 tỷ USD (năm 2008), giữ nguyên con số 69,49 tỷ USD mặc dù khủng hoảng tài chính năm 2009 và tăng lên 91,88 tỷ USD (2010) - tăng gần 100 lần so với năm 1985 và hơn 7 lần so với năm 1995.

Giá trị xuất khẩu tăng nhanh trong khi đó nhập khẩu không đáng kể là nguyên nhân làm cho cán cân thương mại luôn nghiêng về Trung Quốc với thặng dư tăng 8 lần từ 33,9 tỷ USD (năm 1995) lên 268,1 tỷ USD (năm 2008). Mặc dù bị tác động của suy thoái kinh tế nhưng thương mại Mỹ với Trung Quốc năm 2009 cũng đạt giá trị xuất khẩu là 69,496 tỷ USD và nhập khẩu 269,37 tỷ USD, thặng dư là 226,877 tỷ USD. Đến năm 2010, Mỹ có tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc là 91,880 tỷ USD và nhập khẩu là 364,943 tỷ USD, thặng dư là 273,063 tỷ USD<sup>(5)</sup>.

Năm 2008, Trung Quốc xuất khẩu sang thị trường Mỹ đồ chơi và dụng cụ thể thao với giá trị đạt 27 tỷ USD, máy tính, linh kiện, thiết bị máy tính - 52 tỷ USD, thiết bị nghe nhìn và viễn thông - 29 tỷ USD, riêng sản phẩm dệt may lên tới 35,4 tỷ USD<sup>(6)</sup> chiếm vị trí số 1 trong số các nước xuất mặt hàng này. Trong khi đó hàng xuất khẩu chủ yếu của Mỹ sang Trung Quốc là sản phẩm ngành hàng không vũ trụ (3,9 tỷ USD), bán dẫn và điện tử (6 tỷ

USD), sắt vụn, hạt có dầu, cao su, sợi nhân tạo...với tổng giá trị xuất khẩu của Mỹ sang thị trường Trung Quốc không lớn, khoảng 70 tỷ USD năm 2008. Năm 2009, thương mại hàng hoá hai chiều Mỹ - Trung đạt 365,871 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu của Mỹ sang Trung Quốc tăng từ 16,253 tỷ USD (năm 2000) lên 69,479 tỷ USD và nhập khẩu của Mỹ từ Trung Quốc tăng từ 100,062 tỷ USD lên 296,374 tỷ USD trong vòng 9 năm<sup>(7)</sup>. Năm 2010, tính trong 7 tháng đầu năm, kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc với Mỹ đạt 346,89 tỷ USD, tăng 30,2%<sup>(8)</sup>.

Với tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới của quan hệ thương mại với Mỹ nêu trên, Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ hai của Mỹ (sau Canada) và thị trường xuất khẩu lớn thứ ba (sau Canada và Mexico) và đồng thời là nguồn nhập khẩu lớn nhất của Mỹ<sup>(9)</sup>. Bên cạnh đó, đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Mỹ cũng phát triển rất mạnh, với tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm cao hơn hẳn tốc độ tăng trưởng đầu tư trực tiếp của Mỹ ra nước ngoài nói chung và ở Châu Âu nói riêng. Với mục tiêu của Mỹ là nhằm khai thác một thị trường lớn, đầy tiềm năng và đang phát triển nhanh nhất thế giới của Trung Quốc. Từ năm 2000 đến năm 2009, đầu tư của Mỹ vào Trung Quốc (kể cả Hồng Kông) tăng từ 38,587 tỷ USD lên 99,862 tỷ USD<sup>(10)</sup>.

#### ▪ *Đầu tư hai chiều giữa Trung Quốc và Mỹ:*

Thặng dư thương mại, gia tăng nguồn vốn FDI vào nền kinh tế Trung Quốc là nguồn bổ sung ngoại tệ chủ yếu cho Quỹ

dự trữ ngoại hối, gián tiếp thúc đẩy đầu tư của Trung Quốc ra thị trường nước ngoài, trong đó thị trường Mỹ là một điểm đến hấp dẫn nhất về đầu tư tài chính. Như vậy, cũng có thể nói rằng Trung Quốc ngày càng có điều kiện sở hữu nhiều hơn các tài sản của Chính phủ và các công ty Mỹ. Cho đến nay, Trung Quốc là quốc gia “bù đắp” thâm hụt ngân sách Mỹ lớn nhất thông qua các hoạt động đầu tư tài chính, mà thực chất đó là các khoản “cho vay” dành cho Chính phủ Mỹ.

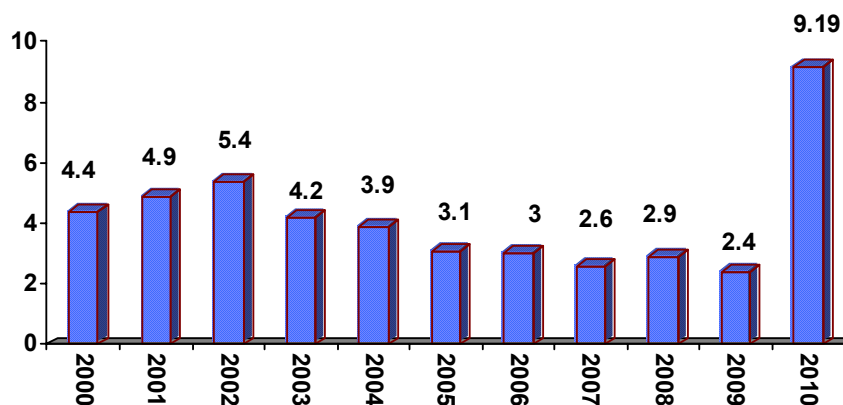
Năm 2007, Bắc Kinh đã thông qua và cấp giấy phép cho 37.888 dự án mới với tổng số vốn thực hiện là 82 tỷ USD<sup>(11)</sup>. Các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài hiện nay chiếm 58% giá trị xuất và nhập khẩu của

Trung Quốc. Tuy nhiên, Mỹ không nằm trong nhóm các nền kinh tế đầu tư lớn nhất tại thị trường hơn một tỷ dân này.

Năm 2008, tổng nguồn vốn đầu tư trực tiếp đã được thực hiện của hơn 500 doanh nghiệp, công ty Mỹ đang hoạt động tại thị trường Trung Quốc đạt 37,6 tỷ USD<sup>(12)</sup>, trong khi đó tổng nguồn vốn đầu tư gián tiếp của Mỹ vào thị trường Trung Quốc vẫn là một con số quá nhỏ so với lượng vốn đầu tư gián tiếp của Trung Quốc tại thị trường Mỹ. Năm 2009, tổng nguồn vốn Mỹ đầu tư vào Trung Quốc giảm 33% so với năm 2008 do khủng hoảng tài chính toàn cầu. Tới năm 2010, tổng nguồn vốn Mỹ đầu tư vào Trung Quốc đạt 46,2 tỷ USD, tăng 43% so với năm trước<sup>(13)</sup>.

**Biểu 2: VỐN FDI THỰC HIỆN CỦA MỸ TẠI TRUNG QUỐC**

(Đơn vị: tỷ USD)



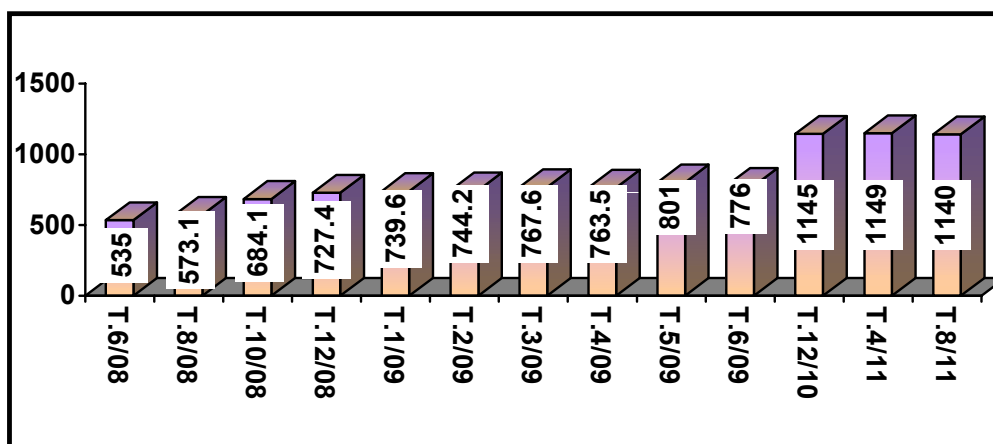
Nguồn: PRC Ministry of Commerce (MOFCOM).

Với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, ổn định, dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới Trung Quốc là quốc gia chủ yếu mua các loại trái phiếu và giấy tờ có giá của Mỹ mà

thực chất là hình thức cho vay để chính phủ Mỹ có thêm nguồn tài chính thực hiện kế hoạch cứu trợ với tổng giá trị lên tới cả ngàn tỷ USD.

**Biểu 3: GIÁ TRỊ TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ MỸ THUỘC SỞ HỮU CỦA  
TRUNG QUỐC (6/2008 – 8/2011)**

(Đơn vị: tỷ USD)



Nguồn: Department of the Treasury/Federal Reserve Board. August 17, 2009.

Trung Quốc - chủ nợ lớn nhất của Mỹ. Với lượng dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới, những năm gần đây, khối lượng các công cụ tài chính do Ngân hàng, tổ chức tài chính Trung Quốc nắm giữ tăng rất nhanh. Năm 2006, các tổ chức này đã đầu tư vào thị trường Mỹ hơn 400 tỷ USD, trong đó khoảng 390 tỷ USD mua trái phiếu chính phủ và khoảng 10 tỷ<sup>(14)</sup> đầu tư vào các loại giấy tờ có giá khác. Trong giai đoạn 2006 – 2008, 70% trái phiếu công ty và 55% trái phiếu chính phủ Mỹ được Trung Quốc mua tại thị trường Luân Đôn và Hồng Kông, phần còn lại mua tại một số thị trường khác với tổng giá trị lũy kế tính đến năm 2008 là 1.205 tỷ USD (tăng 31% so với 922 tỷ USD năm 2007), trong đó giá trị các loại chứng chỉ có giá dài hạn là 1.076 tỷ USD (so với 870 tỷ năm 2007)<sup>(15)</sup>. Chỉ riêng năm 2008, Trung Quốc cho chính phủ Mỹ “vay” thông qua mua

các loại trái phiếu kho bạc lên tới 400 tỷ USD. Tính đến 30/6/2009, Trung Quốc đứng đầu trong số các nước mua trái phiếu chính phủ Mỹ với giá trị lên tới 776 tỷ USD<sup>(16)</sup>. Cho tới năm 2011, tổng giá trị trái phiếu chính phủ Mỹ mà Trung Quốc nắm giữ giảm 36,5 tỷ USD tương đương 3,1% trong tháng 8/2011 và xuống mức 1.140 tỷ USD.

### **3. Nhận định chung về sự phụ thuộc lẫn nhau và hợp tác kinh tế Mỹ - Trung**

*- Về mức độ phụ thuộc lẫn nhau và sự thoả hiệp trong quan hệ kinh tế Mỹ-Trung:*

Mặc dù quan hệ kinh tế giữa hai nước phát triển mạnh mẽ nhưng điều này cũng tạo nên một trong những nguồn gốc gây căng thẳng trong quan hệ song phương như vấn đề thâm hụt thương mại, tỷ giá đồng nhân dân tệ, ... Mặc dù ít có khả

năng trở thành một cuộc chiến tranh thương mại nhưng không thể đánh giá thấp mức độ nghiêm trọng của vấn đề cò xát thương mại nhất là khi những tính toán về kinh tế ngày càng trở lên quan trọng trong mục tiêu phát triển đất nước của mỗi quốc gia.

(i) Tỷ giá đồng nhân dân tệ: Tháng 7/2005, Trung Quốc cho phép nâng giá đồng NDT so với USD qua một cơ chế đối ngoại tệ thả nổi có kiểm soát, tăng khoảng 20% tỷ giá. Đến năm 2008, Trung Quốc lại triển khai tái định giá đồng NDT nhằm đối phó với sự bất ổn tài chính toàn cầu. Với sự điều chỉnh lần này, theo Báo cáo của IMF (29/7/2010) nhận định “tỷ giá đồng NDT vẫn thấp hơn mức thực chất (khoảng 40%) nếu xét trên yếu tố trung hạn”. Với lý do như vậy, các mặt hàng của Trung Quốc nhập khẩu vào Mỹ sẽ có giá thấp hơn 40% và ngược lại. Thực tế này khiến các mặt hàng của Trung Quốc có lợi thế cạnh tranh về giá mạnh hơn so với các mặt hàng của Mỹ ở cả hai thị trường Mỹ và Trung Quốc. Điều này, theo các nhà thống kê của Mỹ thì Mỹ đã bị mất đi khoảng 1,5 – 3 triệu việc làm trong ngành chế tạo và thâm hụt thương mại của Mỹ với Trung Quốc lên tới 220 tỷ USD mỗi năm. Qua việc này, có thể thấy rõ rằng giá trị đồng đồng Đôla Mỹ không chỉ ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế thế giới, mà ảnh hưởng phần nhiều tới Trung Quốc. Do vậy, Trung Quốc luôn phải tính toán chiến lược nhằm đảm bảo cho đồng NDT và đảm bảo giá trị đồng Đô la Mỹ vì tài sản của Trung Quốc mà Mỹ đang vay mượn lên tới 1.140 tỷ USD.

(ii) Tranh chấp thương mại: Tranh chấp thương mại Mỹ - Trung liên quan đến nhiều vấn đề, từ thâm hụt thương mại, áp

đặt thuế chống trợ cấp đối với lớp xe ô tô, ống thép sử dụng trong ngành dầu khí, vô tuyến mẫu, hạn chế sự gia tăng của hàng dệt may do các công ty Trung Quốc sản xuất và xuất khẩu sang thị trường Mỹ đến vi phạm quyền sở hữu trí tuệ (Intellectual property rights - IPRs) của các doanh nghiệp Trung Quốc. Tranh chấp thương mại lại diễn ra trong bối cảnh suy thoái kinh tế làm cho Quốc hội, Chính quyền Mỹ ngày càng lo ngại, tìm kiếm những biện pháp thích hợp nhằm hạn chế nhập siêu ảnh hưởng đến kinh tế, đặc biệt là việc làm. Quyết định áp đặt 35% thuế chống bán phá giá đối với lớp xe ô tô và 15% đối với ống thép được sản xuất tại Trung Quốc của Tổng thống Mỹ Ô-ba-ma vào giữa tháng 9 năm 2009 thể hiện sự kiên quyết của Oa-sinh-tơn đối với tình trạng nhập siêu từ Trung Quốc. Lý do áp đặt thuế chống bán phá giá là các sản phẩm nói trên bán tại thị trường Mỹ thấp hơn, do được trợ cấp, so với giá bán trong nước và do vậy khối lượng nhập khẩu vào Mỹ đã tăng 203%<sup>(17)</sup> trong thời gian hai năm 2006 – 2008.

Quyết định áp đặt thuế chống bán phá giá đối với lớp xe ô tô và các loại ống thép mang tính chất chính trị nhiều hơn là kinh tế bởi vì với hành động này Tổng thống Ô-ba-ma, trước hết, muốn chứng tỏ quyết tâm thực hiện những cam kết đối với cử tri, các tổ chức công đoàn trong quá trình vận động bầu cử, thực hiện chặt chẽ các quy định của luật thương mại trong buôn bán, đặc biệt với Trung Quốc, đồng thời ở một mức độ nào đó, quyết định của ông sẽ làm giảm sức ép của các nghị sỹ đối lập, giới doanh nghiệp Mỹ về việc phải có biện pháp cứng rắn đối với Bắc Kinh trong lĩnh vực thương mại, đặc biệt khi mà thất

nghiệp tại Mỹ đang ngày càng gia tăng. Áp đặt thuế chống bán phá giá của Mỹ đối với hai sản phẩm lốp xe ô tô và ống thép trên thực tế mang tính chất tượng trưng nhiều hơn, bởi vì giá trị của hai mặt hàng nói trên chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong toàn bộ 337 tỷ USD xuất khẩu hàng hóa năm 2008 của Trung Quốc vào thị trường Mỹ và nếu so sánh với giá trị một số hàng đơn lẻ như hàng dệt may hoặc đồ chơi trẻ em và dụng cụ thể dục thể thao thì giá trị hai mặt hàng lốp ô tô và ống thép không lớn.

Lựa chọn mặt hàng được sản xuất tại Trung Quốc để áp đặt thuế chống bán phá giá đối với Mỹ không đơn giản bởi vì hiện tại rất nhiều các công ty Mỹ đang kinh doanh có hiệu quả tại thị trường đông dân nhất thế giới này. Hãng bán lẻ Wal Mart có 246 chi nhánh với 7 triệu khách hàng; hãng cà phê Starbucks có hơn 190 cửa hàng kinh doanh tại 19 thành phố lớn của Trung Quốc; Hãng General Motors chỉ trong tháng 4/2009 bán được 151 ngàn chiếc ô tô tại thị trường này, tăng 25% so với cùng kỳ 2008, trong khi đó lại giảm 17% tại Mỹ; Lợi nhuận của City Group tăng 95%, đạt 191 triệu USD tại Trung Quốc nhưng bị thua lỗ 27,6 tỷ USD tại thị trường quê nhà<sup>(18)</sup>. Giá trị tuyệt đối có thể không lớn, nhưng trong bối cảnh kinh tế suy thoái, lợi nhuận vẫn tăng là dấu hiệu tốt cho giới kinh doanh Mỹ. Hiện nay, ba ưu tiên hàng đầu đối với các doanh nghiệp Mỹ đang hoạt động kinh doanh tại Trung Quốc là (i) được tham gia đấu thầu các dự án của gói hỗ trợ 586 tỷ đôla, (ii) mở cửa hơn nữa thị trường nội địa và (iii) bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Đối với Trung Quốc, chưa được công nhận là nền kinh tế thị trường, sự lệ thuộc

quá lớn và thị trường Mỹ từ dung lượng, sức tiêu thụ của người tiêu dùng, khối lượng đầu tư tài chính vào các loại trái phiếu, nhu cầu đối với công nghệ nguồn làm cho họ phải nhân nhượng nhiều hơn trong tranh chấp thương mại với Mỹ. Mặt khác, Trung Quốc cũng đã một lần áp đặt thuế chống bán phá giá đối với phụ tùng ô tô nhập khẩu từ Mỹ, EU, Canada nhưng phải chấp nhận thất bại sau khi Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO, tháng 8/2009, ra phán quyết cuối cùng, theo đó Trung Quốc đã vi phạm những nguyên tắc tự do thương mại quốc tế.

Thực tế Trung Quốc rất cần Mỹ và hiểu rõ hơn cả về mức độ thiệt hại của của hai mặt hàng lốp ô tô và ống thép trong tổng giá trị xuất khẩu của họ. Hơn nữa nếu chỉ xét từ lợi ích trong lĩnh vực thương mại thì Bắc Kinh khó có thể phản ứng mạnh hơn, kiên quyết hơn khi mà thịnh dư buôn bán với Mỹ gia tăng liên tục trong khoảng thời gian dài gần 3 thập kỷ và năm 2008, cứ 4,86 USD người Mỹ chi tiêu để mua hàng hóa của Trung Quốc thì người Trung Quốc chỉ chi có 1 Đô la để mua hàng hóa của Mỹ<sup>(19)</sup>. Mặt khác sở hữu một lượng trái phiếu chính phủ và các trái phiếu công ty Mỹ với giá trị lên tới hơn một ngàn tỷ USD làm cho Trung Quốc thực sự lo lắng: “Chúng tôi cho Mỹ vay một khoản tiền rất lớn, bởi vậy chúng tôi có một chút lo ngại về sự an toàn của các tài sản đó”<sup>(20)</sup>. Sự lo ngại nói trên hoàn toàn có cơ sở thực tế bởi vì khi đồng Đô la suy yếu, khối lượng tài sản khổng lồ của họ được định giá bằng đồng Đô la Mỹ sẽ không còn nguyên giá trị. Với sự lệ thuộc nói trên hoàn toàn có thể hiểu được là tại sao cho đến nay Trung Quốc phản ứng rất kiềm chế, chưa đưa ra các biện pháp trả

đưa mạnh tương ứng và tranh chấp thương mại Mỹ - Trung đã không ảnh hưởng đến cuộc gặp thượng đỉnh G20 tại Pittsburgh (Mỹ) vào ngày 24-25 tháng 9 cũng như kết quả chuyến thăm Bắc Kinh của Tổng thống Mỹ Ô-ba-ma giữa tháng 11/2009.

Sau quyết định áp thuế chống bán phá giá đối với hai mặt hàng lớp xe ô tô và ống thép phản ứng duy nhất là tuyên bố của Bộ Thương mại Trung Quốc. Họ đã chỉ trích quyết định nói trên của Mỹ và cho biết sẽ tiến hành điều tra đối với các linh kiện, phụ tùng ô tô, thịt gà nhập từ Mỹ trước khi có những biện pháp trả đũa tương ứng.

Tuy nhiên trong bối cảnh tranh chấp thương mại nhưng chưa có những biện pháp trả đũa thích hợp thì Bắc Kinh đã tuyên bố sẽ cho phép nhập khẩu trở lại thịt lợn của Mỹ bị cấm sau dịch cúm heo vừa qua; sẵn sàng hợp tác chặt chẽ với Oa-sinh-tơn trong lĩnh vực sử dụng năng lượng sạch; cam kết cung với Mỹ tăng cường khả năng tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp.

Về phía Mỹ, tổng thống Obama có thể sẽ xem xét lại chính sách kiểm soát xuất khẩu hạn chế bán một số sản phẩm công nghệ hiện đại có thể sử dụng trong cả lĩnh vực quân sự và dân sự, cho Bắc Kinh, bởi vì trên thực tế, nhiều mặt hàng này không phải do Mỹ sản xuất đang hiện diện tại Trung Quốc. Nếu không điều chỉnh chính sách cấm xuất khẩu đối với một số mặt hàng nói trên, người thua thiệt chính là các doanh nghiệp Mỹ. Trong khi đó, ngoài quyết định áp đặt thuế chống bán phá giá, Oa-sinh-tơn tiếp tục gây sức ép đòi Trung Quốc mở cửa hơn nữa thị trường nội

địa đối với nông sản, dược phẩm, viễn thông, dịch vụ kinh doanh và đặc biệt trong lĩnh vực mua sắm chính phủ, nhằm tạo cơ hội cho các công ty Mỹ tham gia đấu thầu các dự án theo chương trình kích cầu giá trị 586 tỷ USD của Trung Quốc. Những động thái trên cho thấy cả hai phía đều có những thỏa hiệp nhưng với mức độ không giống nhau, Oa-sinh-tơn đòi hỏi ở Bắc Kinh nhiều hơn và do vậy Trung Quốc đã phải đi quá nửa đoạn đường cần thiết để gặp Mỹ tại điểm mà cả hai bên có thể chấp nhận.

Qua các sự kiện nêu trên, có thể thấy: quan hệ Mỹ - Trung tuy có lúc căng thẳng nhưng hai bên đều có sự kiềm chế, tránh đối kháng. Dường như cả Mỹ và Trung Quốc đều ngầm hiểu triết lý phát triển trong quan hệ song phương là: Hợp tác không dẫn đến đồng minh, cạnh tranh không dẫn đến xung đột. Tính phụ thuộc lẫn nhau giữa hai nền kinh tế ngày càng cao hơn, hình thành mối quan hệ “cân bằng tất yếu”. Nếu như nền kinh tế Mỹ lại rơi vào suy thoái nghiêm trọng một lần nữa thì Trung Quốc chịu tổn thất vô cùng lớn và ngược lại.

*- Về quyền lực cơ cấu trong quan hệ kinh tế Mỹ- Trung:*

Để đảm bảo lợi ích quốc gia trong lĩnh vực kinh tế, Mỹ và Trung Quốc luôn phải tìm cho mình cái gậy về pháp lý nhằm nâng cao khả năng chi phối các “sân chơi” của hai nước. Xét trên yếu tố này, rõ ràng Mỹ có khả năng chi phối nhiều hơn. Lịch sử của chính sách thương mại hiện đại của Mỹ bắt nguồn từ sau đại khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 với việc ban hành Đạo luật về Hiệp định thương mại năm 1934 và những thảo luận lúc bấy giờ về Hiệp

định chung Thương mại và Thuế quan (GATT). Thực tế cho thấy, các đạo luật thương mại như: các Đạo luật mở rộng thương mại năm 1962, 1974, 1984, 1988 và các vòng đàm phán Kennedy, Tokyo, Uruguay,... Bên cạnh đó, Mỹ còn đưa ra một số quy định về hệ thống thuế, hải quan, quy chế thương mại bình thường và các biện pháp hạn chế định lượng nhập khẩu, các biện pháp bảo vệ thương mại tạm thời hay các biện pháp trợ giúp xuất khẩu,... Đây không chỉ là những văn bản pháp lý thể hiện quan điểm, chính sách phát triển ngoại thương của Mỹ mà còn là công cụ hữu hiệu phục vụ lợi ích đối ngoại nói chung và lợi ích thương mại nói riêng của Mỹ. Hơn nữa, trong một thế giới hội nhập sâu rộng, rõ ràng các nước đều phải cùng hợp tác bình đẳng dựa trên luật chung thông qua Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Gatt,... thì Mỹ lại là người giữ vai trò chủ đạo và có khả năng chi phối cao. Do đó, trong quan hệ kinh tế hai nước, Mỹ có khả năng chi phối cao hơn.

### Kết luận

Dưới tác động của khoa học và công nghệ, quá trình toàn cầu hóa diễn ra với tốc độ nhanh chóng trong thập kỷ gần đây đã loại bỏ nhiều trở ngại trong quan hệ kinh tế quốc tế, tạo điều kiện cho tất cả các quốc gia khai thác, tận dụng triệt để những lợi thế của quá trình liên kết kinh tế khu vực và thế giới nhằm phục vụ cho mục tiêu phát triển. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các nhân tố chính trị vẫn đang là một rào cản luôn đồng hành, tác động, ảnh hưởng đến quan hệ kinh tế, mặt khác, lợi ích kinh tế trong nhiều trường hợp lại chi phối, thúc đẩy mối quan hệ chính trị. Tính

phức tạp của sự phụ thuộc lẫn nhau giữa kinh tế và chính trị được biểu hiện một cách đầy đủ trong quan hệ Mỹ - Trung.

Về tính chất phụ thuộc và đan xen giữa lợi ích chính trị và kinh tế trong quan hệ Mỹ - Trung về bản chất không có thay đổi, ngay cả khi tên gọi của khuôn khổ đối thoại giữa hai nước đã được chuyển từ “Đối thoại chiến lược Kinh tế” sang “Đối thoại Chiến lược và Kinh tế” thì mâu thuẫn về lợi ích giữa hai quốc gia vẫn luôn luôn tồn tại, ngày càng phức tạp. Đây được coi là mối quan hệ phức tạp nhất, có tiềm năng gây xung đột lớn nhất bởi Mỹ không muốn mất đi vị trí siêu cường duy nhất trên thế giới mà họ đang nắm giữ, trong khi Trung Quốc đang lớn mạnh nhanh chóng, đang có xu thế tranh chấp địa vị đó của Mỹ trong thế kỷ này.

### CHÚ THÍCH:

(1) Foreign Trade Division, U.S. Census Bureau, Washington, D.C. 20233. 11 September, 2009.

(2) Hirschman được trích dẫn trong Mark J.C. Crescenzi, *Economic Interdependence and Conflict in World Politics*, Lexington Books, Lanham, 2005, tr.32. Xem thêm: Alberto O. Hirschman, *National power and the Structure of Foreign Trade*, University of California Press, Berkeley and Los Angeles, 1945.

(3) Robert Keohane và Joseph Nye, *Power and Interdependence*, Glenview, IL: Scott, Foresman, 1989, tr.9.

(4) <http://tradingeconomics.com/china/gdp>

(5) U.S. Census Bureau, Foreign Trade Division, Data Dissemination Branch, Washington, D.C. 20233;

(6) US International Trade Statistics 2009

(7) TS. Ngô Duy Ngô, “Đầu tư tài chính của Trung Quốc tại thị trường Mỹ”, TC Những vấn đề Kinh tế và Chính trị TG số 10/2009.

(8) Tư liệu “Tình hình kinh tế Trung Quốc 7 tháng đầu năm 2010”, Tạp chí NCTQ số 7 (107)-2010.

(9) The office of trade and Industry information (OTII), US Department of Commerce

(10) BEA (US Bureau for Eco Analysis).

(11), (12) PRC Report of Ministry of Commerce, 2009

(13), (14), (15), (16), (17) <http://www.ustr.gov/countries-regions/china>

(18) Daniel Gross. Kentucky Fried China. Why KFC and other American companies are finally thriving in China. Business Week, May 14, 2009.

(19) Tính theo số liệu của biểu hình 1.

(20) New York times 13/3/2009. Speech of China's Premier of the State Council Wen Jiabao at the Chinese National Assembly.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1) TS. Ngô Duy Ngô, “Đầu tư tài chính của Trung Quốc tại thị trường Mỹ”, và “Quan hệ kinh tế Mỹ- Trung: Những xung đột về lợi ích”, Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới số 10/2009 và số 4/2010.

2) PGS.TS Tạ Minh Tuấn, “Cạnh tranh Trung – Mỹ nhìn từ hai phía”, Học viện Ngoại giao: (truy cập ngày 20/10/2011)

3) Tất Khai Đình, “Cạnh tranh Mỹ - Trung và chiến lược của Trung Quốc”, Học viện Ngoại giao: <http://nghiencuubiendong.vn/quan-h-quc-t/1263-can-h-tranh-my-trung-va-chien-luoc-tq> (truy cập: 31/10/2011)

4) Bernstein, Richard, và Ross H. Munro, “China I: The Coming Conflict with America”, *Foreign Affairs*, Vol.76 (2), 1997.

5) Trung Quốc bác yêu cầu về tử giá Nhân dân tệ:

6) Central Intelligence Agency, available at accessed on 10/10/2011.

7) Christensen, Thomas J., “China, the US-Japan alliance, and the security dilemma in East Asia”, trong: John Ikenberry và Michael Mastanduno (bt.), *International Relations theory and the Asia – Pacific*, Columbia University Press, New York, 2003.

8) Copeland, Dale, “Economic Interdependence and the Future of US-Chinese Relations”, trong John Ikenberry và Michael Mastanduno (bt.), *International Relations theory and the Asia - Pacific*, Columbia University Press, New York, 2003.

9) Crescenzi, Mark J.C., “Economic Exit, Interdependence, and Conflict, *The Journal of Politics*, Vol.65, No.3, August, 2003. pp.809 - 832.

10) Donovan, Kevin F., *Economic Power in the Sino-U.S. Relationship*, INSS Occasional Paper 5, USAF Institute for National Security Studies, 1995.

11) Friedberg, Aaron L., “The Future of U.S.-China Relations: Is Conflict Inevitable?”, *International Security*, Vol. 30, No. 2, Fall 2005

12) Keohane, Robert O., and Joseph S. Nye, *Power and Interdependence*, Harper Collins, 1989.

13) Tung, Chen-Yuan, “The Impact of Bilateral Economic Interdependence on US-China Relations”, paper presented at the International Conference on American Future, Tamkang University, October 4-5, Taipei, 2003.

14) Yang, Jiawen, *et al.*, “U.S. Economic Sanctions Against China: Who Gets Hurt?”, *The World Economy*, Vol. 27, Issue 7, 2004, pp. 1047-1081.

